TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Út.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn H, sinh năm 1974; Có mặt.
HKTT: Khu phố CVA, Phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên.
Địa chỉ: Số 137 Quốc lộ 1A, thôn PQ, xã PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.
2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 71 đường Võ Trứ, Khu phố 1, phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn Khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 05/3/2001 tại Ủy ban nhân dân xã MH, thị xã P, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng không

hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông thường xuyên đi công trình xa nhà nên không có thời gian chăm sóc gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Ông và bà Nguyễn Thị H đã không còn chung sống hơn 10 năm nay, không ai quan tâm hỏi han đến cuộc sống của nhau. Nay vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể quay về tiếp tục chung sống nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Ông và bà Nguyễn Thị H có ba con chung là Nguyễn Hòa Ninh Đ, sinh năm 2002; Nguyễn Hương Trà M, sinh ngày 15/4/2004; Nguyễn Quỳnh Hương G, sinh ngày 22/10/2005. Hai con chung là Nguyễn Hòa Ninh Đ, Nguyễn Hương Trà M đã đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Quỳnh Hương G đang sống cùng bà Nguyễn Thị H. Nếu ly hôn, ông đề nghị được cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quỳnh Hương G 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã MH, thị xã Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 05/3/2001. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bà và ông Nguyễn H có ba con chung là Nguyễn Hòa Ninh Đ, sinh năm 2002; Nguyễn Hương Trà M, sinh ngày 15/4/2004; Nguyễn Quỳnh Hương G, sinh ngày 22/10/2005.

Trong quá trình chung sống, bà và ông H thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do ông H không có trách nhiệm với gia đình, bỏ nhà đi 10 năm nay, không quan tâm đến vợ con, rất vô trách nhiệm. Bà và ông H đã không còn chung sống với nhau. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đồng ý nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông Nguyễn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quỳnh Hương G, sinh ngày 22/10/2005 cho Bà H nuôi dưỡng. Ông Nguyễn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Bà H cư trú tại Khu phố 01, phường MB, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Bà H. Bà H vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, ông H cho rằng vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông H thường xuyên đi công trình xa nhà nên không có thời gian chăm sóc gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, đã không còn chung sống hơn 10 năm nay, không ai quan tâm hỏi han đến cuộc sống của nhau. Tại bản trình bày, Bà H cũng xác định: Trong quá trình chung sống, bà và ông H thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do ông H không có trách nhiệm với gia đình, rất vô trách nhiệm, bỏ nhà đi 10 năm nay, không quan tâm đến vợ con.

[2.3] Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....". Tuy nhiên, quá trình chung sống, ông H, Bà H lại thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống và đã không sống chung với nhau hơn 10 năm nay. Tình trạng mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông H, Bà H đã được Chính quyền địa phương xác nhận.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông H, Bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông H yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho ông H ly hôn với Bà H.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Ông H và Bà H có ba con chung là Nguyễn Hòa Ninh Đ, sinh năm 2002; Nguyễn Hương Trà M, sinh ngày 15/4/2004; Nguyễn Quỳnh Hương G, sinh ngày 22/10/2005. Hai con chung là Nguyễn Hòa Ninh Đ, Nguyễn Hương Trà M đã đủ 18 tuổi. Con chưa thành niên là Nguyễn Quỳnh Hương G đang sống cùng bà Nguyễn Thị H. Nếu ly hôn, ông H đề nghị được cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quỳnh Hương G 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Ông H hiện đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy: Cháu Nguyễn Quỳnh Hương G đã sống cùng mẹ từ nhỏ tới nay, xét theo nguyện vọng của cháu G, ý kiến của các đương sự và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, giao cháu G cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Ông H yêu cầu được cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quỳnh Hương G 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông H để có thêm điều kiện chăm sóc cho con chung nên chấp nhận yêu cầu của ông H về vấn đề cấp dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu G số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.
2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Nguyễn Quỳnh Hương G, sinh ngày 22/10/2005 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Quỳnh Hương G mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Nguyễn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0003689 ngày 23-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Nguyễn H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20-4-2022); vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang- Tháp Chàm;
- UBND phường MB;
(GCN số 14 ngày 05/3/2001 do UBND xã MH (cũ) cấp);
- Lưu (HS, AV)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Trần Thanh Thư